

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/DS-PT  
Ngày: 16 - 6 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác  
kinh doanh.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chế Linh

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DSST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Diệp Thanh B và bà Trần Thị Thu V; cư trú tại: phường L, quận R, thành phố Cần Thơ.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Sỹ B1; cư trú tại: phường L, quận K, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2020).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Trần Văn A; cư trú tại: phường L, quận K, thành phố Cần Thơ là Luật sư của Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

**- Bị đơn:**

1. Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (nay là Công ty Cổ phần Z).

Địa chỉ: phường T, quận R, thành phố Cần Thơ.

Trụ sở: đường T, phường P, quận R, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Z* : Ông Trần Quang P - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Cổ phần Z* : Ông Nguyễn Thế S; cư trú tại: phường T, quận R, thành phố Cần Thơ là Luật sư của Văn phòng luật sư L thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

2. Ông Trần Quang P và bà Nguyễn Thị Phương L; cư trú tại: phường T, quận R, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:*

1. Công ty Cổ phần Z là bị đơn;

2. Ông Trần Quang P và bà Nguyễn Thị Phương L là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Từ mối quan hệ quen biết và là đối tác làm ăn chung trong nhiều năm với nhau nên trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2014 nguyên đơn và ông Trần Quang P, Nguyễn Thị Phương L là Giám đốc Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có ký với nhau hợp đồng hợp tác kinh doanh gỗ vào ngày 15/6/2012 thời hạn hợp tác là 02 năm. Nguyên đơn sẽ bỏ tiền ra cho Công ty Đ để cùng mua bán kinh doanh gỗ. Từ hợp đồng hợp tác kinh doanh gỗ ký ngày 15/6/2012 nguyên đơn đã nhiều lần chuyển khoản chi phí đầu tư hợp tác mua bán gỗ với bị đơn với nhiều tỷ đồng. Đến tháng 12 năm 2014, khi thời hạn hợp tác kinh doanh đã hết, qua nhiều lần đối chiếu xác nhận nợ tính đến ngày 05/12/2014 bị đơn đã ký xác nhận nợ rằng vợ chồng ông P và bà L còn nợ phía nguyên đơn tổng số tiền 3.829.662.000đ (Ba tỷ tám trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng), nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc để thanh toán khoản nợ này nhưng phía bị đơn không thanh toán.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.829.662.000đ (Ba tỷ tám trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (nay là Công ty Cổ phần Z) nguyên đơn có ý kiến như sau: Không đồng ý phải trả ngược lại cho bị đơn số tiền 1.633.071.190đ (Một tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi một nghìn một trăm chín mươi đồng) vì lý do:

Bản chất của hợp đồng hợp tác kinh doanh là hợp đồng dân sự giữa nguyên đơn và Công ty Đ, không tạo thành pháp nhân mới. Tính từ ngày 19/6/2012 đến ngày 25/6/2012 nguyên đơn đã chuyển cho Công ty Đ số tiền 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng) theo bản theo dõi chi thu hợp đồng hợp tác của Công ty Đ do ông P và bà L tự lập và ký xác nhận.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh thời hạn 02 (hai) năm với số tiền phải góp theo hợp đồng là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng). Tuy nhiên, phía bị đơn đã sử

dụng số tiền nguyên đơn góp vốn không đúng mục đích, không minh bạch trong việc sử dụng 80,2m<sup>3</sup> gỗ nên đã chấp nhận chấp dứt hợp đồng và đồng ý hoàn trả tiền lãi trên nợ gốc cho nguyên đơn qua việc lập bảng theo dõi chi thu hợp đồng hợp tác của Công ty Đ tính đến ngày 31/3/2014 xác nhận rõ “Chúng em xác nhận đúng ngày 31/3/2014 là chúng em còn thiếu nợ anh Bình tiền gốc và lãi là 4.431.524.290đ (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi một triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi đồng)” bà Nguyễn Thị Phương L còn chính tay ghi thêm vào bản theo dõi thu chi hợp đồng với dòng chữ “Nếu không trả lại thì tính lãi là 1,4%” và ký tên vào dưới dòng chữ này. Do đó hợp đồng hợp tác ký ngày 15/6/2012 này đã chấm dứt hoàn toàn trước thời hạn từ ngày 25/6/2012 (do các bên đã thỏa thuận chuyển tiền hợp tác kinh doanh thành khoản tiền vay nợ (bắt đầu tính lãi từ tháng 7/2012). Sau đó bị đơn đã cản trừ cho nguyên đơn một bộ ngựa cắm xe trị giá 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và 02 (hai) bình bông gỗ cắm xe trị giá 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tổng cộng là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và số tiền 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) nguyên đơn đã rút từ tài khoản vào ngày 14/01/2013, tổng cộng là 421.000.000đ (Bốn trăm hai mươi một triệu đồng). Số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn là 3.829.662.000đ (Ba tỷ tám trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

*\* Phần trình bày của phía bị đơn Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (nay là Công ty Cổ phần Z):*

Trước đây giữa nguyên đơn ông B, bà V và bị đơn Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (nay là Công ty Cổ phần Z) có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh nghề gỗ, nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện đối với pháp nhân là Công ty, trong khi đó biên bản xác nhận số nợ 3.829.662.000đ (Ba tỷ tám trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng), là do bà L ký xác nhận không liên quan gì đến pháp nhân là Công ty.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh nghề gỗ, trong điều khoản hợp đồng có thỏa thuận khoản lỗ sẽ chia đôi, trong quá trình kinh doanh theo các hóa đơn của Công ty thì việc kinh doanh gỗ bị thua lỗ tổng số tiền 649.910.380đ (Sáu trăm bốn mươi chín triệu chín trăm mười nghìn ba trăm tám mươi đồng), khoản lỗ này chia đôi thì phía ông B phải hoàn trả lại cho bị đơn số tiền lỗ là 324.955.190đ (Ba trăm hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn một trăm chín mươi đồng), Công ty thu các khoản từ khách hàng là ông B từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nghề gỗ sau khi quyết toán số tiền 908.116.000đ (Chín trăm lẻ tám triệu một trăm mười sáu nghìn đồng). Ngoài ra, ông B còn nhận 01 sập gỗ trị giá 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và 01 (một) cặp bình bông (lục bình) trị giá 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tổng số tiền là 1.633.071.190đ (Một tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi một nghìn một trăm chín mươi đồng).

*\* Bị đơn ông Trần Quang P và bà Nguyễn Thị Phương L trình bày:*

Với tư cách là cá nhân bà L và ông P là đại diện pháp luật của Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (nay là Công ty Cổ phần Z) giai đoạn ký hợp

đồng hợp tác kinh doanh gỗ với ông B thì bà L là đại diện theo pháp luật, sau này ông P là người đại diện theo pháp luật. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà L và ông P liên đới với Công ty trả cho ông B, bà V số tiền 3.829.662.000đ (Ba tỷ tám trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Ông P và bà L không biết số nợ này và không đồng ý trả cho nguyên đơn. Trước đây bà L có ký xác nhận số tiền 3.829.662.000đ (Ba tỷ tám trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng) là do ông B hăm dọa nên bà L có ký nhưng không nhớ cụ thể ngày tháng năm.

Trước đây Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (nay là Công ty Cổ phần Z) và ông B có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh gỗ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông B muốn nhận tiền đầu tư nên kêu ông P bán gỗ với giá thấp cao nào cũng được để thu tiền, ông P và bà L có bán một số gỗ và có đưa lại cho ông B nhiều lần số tiền gần bằng số tiền đầu tư, có xuất hóa đơn nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể là bao nhiêu. Việc ông B dựa vào bản ký xác nhận nợ của bà L làm căn cứ khởi kiện là không có cơ sở, do bà L bị hăm dọa từ ông B, do đó không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn có yêu cầu phản tố buộc ông Diệp Thanh B trả số tiền từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nghề gỗ sau khi quyết toán số tiền là 1.196.516.000đ (Một tỷ một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng) và thu từ ông Diệp Thanh B số tiền còn treo nợ là 1.845.488.750đ (Một tỷ tám trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

*\* Người làm chứng bà Huỳnh Thị Ngọc Đ1 trình bày:*

Bà Đ1 là Kế toán của Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (nay là Công ty Cổ phần Z), theo hồ sơ kế toán thể hiện đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh gỗ giữa ông B với Công ty tổng số tiền lỗ là 649.910.380đ (Sáu trăm bốn mươi chín triệu chín trăm mười nghìn ba trăm tám mươi đồng), các khoản thu từ khách hàng là ông B từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nghề gỗ sau khi quyết toán số tiền 908.116.000đ (Chín trăm lẻ tám triệu một trăm mười sáu nghìn đồng).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DSST ngày 24 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Diệp Thanh B, bà Trần Thị Thu V.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần Z.

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (nay là Công ty Cổ phần Z), bà Nguyễn Thị Phương L và ông Trần Quang P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Diệp Thanh B, bà Trần Thị Thu V số tiền là 3.829.622.000đ (Ba tỷ tám trăm hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn ông Diệp Thanh B, bà Trần Thị Thu V có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (nay là Công ty Cổ phần Z), bà Nguyễn Thị Phương L và ông Trần Quang P chưa thi hành thì còn có nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (nay là Công ty Cổ phần Z), bà Nguyễn Thị Phương L và ông Trần Quang P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 108.592.400đ (Một trăm lẻ tám triệu năm trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.496.068đ (Ba mươi triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền số 0008012 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Bị đơn Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ gỗ Quốc tế Đ (nay là Công ty Cổ phần Z), bà Nguyễn Thị Phương L và ông Trần Quang P còn phải nộp 78.096.300đ (Bảy mươi tám triệu không trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng).

Nguyên đơn ông Diệp Thanh B, bà Trần Thị Thu V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 54.297.000đ (Năm mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006321 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 17 tháng 02 năm 2022, bà Nguyễn Thị Phương L và ông Trần Quang P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 20 tháng 02 năm 2022, ông Trần Quang P là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Z yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm. Nếu sai sót của cấp sơ thẩm không sửa được thì hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của các bị đơn. Các bên không thương lượng được việc giải quyết vụ án.

\* Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Cổ phần Z cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót như sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn trong khi bị đơn bị bệnh, có nộp giấy tờ để chứng minh và luật sư có yêu cầu hoãn phiên tòa nhưng lại không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

- Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn khẳng định bản xác nhận do nguyên đơn lập và ép buộc, đe dọa bà L ký và thời điểm bà L ký thì đã không còn là người đại diện theo pháp luật của công ty, ông Plà người đại diện theo pháp luật của công ty khẳng định không có ký và đóng dấu pháp nhân.

- Công ty có nhiều thông báo đến cơ quan công an và ông B để bác bỏ ký xác nhận tại Bảng tổng hợp do ông B lập và ép bà L ký, đồng thời thông báo cho ông B đến công ty để đối chiếu thanh lý hợp đồng nhưng ông B không đến.

- Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn có yêu cầu giám định chữ ký của ông P nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện giám định là không phù hợp.

- Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Bản tổng hợp do nguyên đơn lập và ép cá nhân bà L ký, không có chữ ký và con dấu của pháp nhân công ty để làm cơ sở giải quyết là không đúng quy định.

- Bà L và ông P không có mượn nợ ông B nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P và bà L phải liên đới chịu trách nhiệm là không đúng.

Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được những sai sót của cấp sơ thẩm thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

\* Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định, do phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo giấy triệu tập của Tòa nên xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Bị đơn cho rằng bà L bị ép buộc ký xác nhận nợ nhưng không có căn cứ để chứng minh. Nhận thấy, bản án sơ thẩm giải quyết là phù hợp nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích các tình tiết, sự kiện của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng, các bị đơn kháng cáo nhưng không có cơ sở để chấp nhận. Thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, tuy nhiên cần điều chỉnh lại phần tuyên án của bản án sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Z.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp về hợp đồng hợp tác kinh doanh. Tòa án nhân dân quận Cái Răng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là bà Nguyễn Thị Phương L kháng cáo cho rằng, việc bà ký vào hai bảng theo dõi thu chi hợp đồng hợp tác (Bút lục số 191 và 192) là do nguyên đơn ép buộc. Bà L khai rằng, sau khi bị ép ký đã báo lại cho chồng mình là ông Trần Quang P và ông P đã làm 05 thông báo sự việc (gửi công an phường 02 bản, gửi nguyên đơn 03 bản). Qua thẩm tra lại một lần nữa tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy lời khai này là không đủ cơ sở để chứng minh. Chứng cứ về việc đã gửi đi

các thông báo trên thì bị đơn cũng không xuất trình được. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự không đưa ra được hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã có trong hồ sơ. Do vậy, kháng cáo của bà L về vấn đề này không được chấp nhận.

[3] Cá nhân ông P và bà L đều xác định chữ ký của ông P trong hai bản thu chi hợp đồng hợp tác (Bút lục số 191 và 192) là không phải của ông P. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn nêu yêu cầu giám định chữ ký. Thấy rằng, tại cấp sơ thẩm, qua rất nhiều phiên hòa giải, công khai chứng cứ, nộp bản khai, phiên tòa sơ thẩm, thậm chí tại phiên tòa phúc thẩm đã hoãn ngày 23/5/2022 bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa cũng không nêu yêu cầu này. Do vậy, yêu cầu giám định chữ ký của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm không được chấp nhận.

[4] Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn là Công ty Cổ phần Z xuất trình Bản báo cáo kiểm toán độc lập về kinh doanh gỗ giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2015. Qua xem xét các nội dung thu chi được ghi nhận trong bản báo cáo kiểm toán này thì nội dung xác nhận công nợ sau cùng của hai bảng theo dõi thu chi hợp đồng hợp tác (Bút lục số 191 và 192) không thể hiện vào trong báo cáo. Doanh nghiệp cũng không thừa nhận hai khoản nợ này. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc doanh nghiệp phải cùng trả nợ là không có căn cứ. Kháng cáo của Công ty Cổ phần Z trong việc loại trừ nghĩa vụ liên đới là có căn cứ.

[5] Điều 370 của Bộ luật dân sự quy định rằng, bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ. Như vậy, khi bà L ký xác nhận nghĩa vụ thay cho pháp nhân được bên có quyền đồng ý thì coi như nghĩa vụ được chuyển giao. Mặt khác, về nội dung khoản nợ, xuất phát từ việc hợp đồng hợp tác kinh doanh tại thời điểm bà L là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Cá nhân bà L xác nhận khoản tiền này và chấp nhận trả lãi nên doanh nghiệp không còn chịu trách nhiệm như nhận định ở mục [4] nêu trên. Do vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương L không được chấp nhận. Cũng vì việc chuyển giao nghĩa vụ này nên việc doanh nghiệp phản tố đòi nguyên đơn chia lỗ lãi theo đơn phản tố không được chấp nhận.

[6] Về kháng cáo của ông Trần Quang P, thấy rằng, từ nghĩa vụ phải trả của bà L xuất phát từ việc hợp tác doanh nghiệp ban đầu do bà L làm chủ sau đó chuyển giao cho ông P. Căn cứ vào Điều 25 và Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông P chịu trách nhiệm liên đới trả nợ là đúng pháp luật. Đây cũng là căn cứ mà Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu giám định chữ ký của ông P.

[7] Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật về tố tụng. Tuy nhiên, việc xác định trách nhiệm trả nợ của doanh nghiệp là chưa đúng như đã nhận định trên. Do vậy, việc bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại bản án về việc xác định nghĩa vụ trả tiền.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn là ông Trần Quang P và bà Nguyễn Thị Phương

L phải chịu. Về án phí dân sự sơ thẩm do có điều chỉnh trách nhiệm trả nợ nên có điều chỉnh về án phí tương ứng. Trong đó, bị đơn là Công ty Cổ phần Z chỉ phải chịu phần án phí phản tố không được chấp nhận. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện thuộc về ông P và bà L.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Phương L và ông Trần Quang P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Diệp Thanh B, bà Trần Thị Thu V số tiền là 3.829.622.000 đồng (Ba tỷ tám trăm hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bà L và ông P chưa thi hành thì còn có nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Z về việc buộc nguyên đơn phải trả số tiền 1.633.071.190 đồng (Một tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi một nghìn một trăm chín mươi đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Phương L và ông Trần Quang P phải nộp 108.592.400 đồng (Một trăm lẻ tám triệu năm trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

- Công ty Cổ phần Z phải nộp 60.992.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 30.496.068 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008012 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Công ty Cổ phần Z còn phải nộp thêm 30.496.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 54.297.000 đồng (Năm mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006321 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Công ty Cổ phần Z được nhận lại 300.000 đồng theo Biên lai thu số 21/02/2022 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng.

- Bà Nguyễn Thị Phương L và Ông Trần Quang P phải nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008248 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng thành án phí, coi như bà L, ông P đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.



Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND. TPCT;
- TAND quận Cái Răng;
- THADS quận Cái Răng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Chế Linh**